TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2021/KDTM-ST
Ngày: 08/3/2021
Về việc tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Minh;

2/ Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Phạm Anh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Dĩ An tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2020/TLST-KDTM ngày 06 tháng 11 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐST-KDTM ngày 01 tháng 02 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2021/QĐST-KDTM ngày 18/02/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C; địa chỉ: Tầng 28, Cao ốc S, số 37 T, phường B, quận 1, thành phố H.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Hải P, sinh năm 1995; địa chỉ: Tầng 28, Cao ốc S, số 37 T, phường B, quận 1, thành phố H là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 124.2020/GUQ-COL ngày 09/10/2020). Có đơn xin giải quyết vắng mặt;

- *Bị đơn:* Công ty TNHH P, địa chỉ: Đường số 10, tổng kho S, khu công nghiệp S1, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Wong Micheal C, sinh năm 1961, chức danh: Giám đốc. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Wong Micheal C, sinh năm 1961; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: PO BOX 129, S, CA 94401, M; Chổ ở hiện tại: 8.01A Căn hộ T, 184 L, phường 15, quận 11, thành phố H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 09 tháng 10 năm 2020, đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện ngày 04/01/2021, lời khai trong quá trình tố tụng, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Hải P trình bày:

Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C (sau đây gọi tắt là Công ty C) là tổ chức tín dụng tín dụng phi ngân hàng có chức năng cho thuê tài chính theo quy định của pháp luật Việt Nam. Công ty TNHH P (sau đây gọi tắt là Công ty P) là khách hàng thuê tài chính. Do Công ty P có nhu cầu sử dụng máy móc, thiết bị để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình và đề nghị Công ty C tài trợ tài chính nên vào các ngày 10/12/2018, ngày 19/09/2018 và ngày 20/12/2018, hai bên đã lần lượt ký các Hợp đồng cho thuê tài chính số C180814202, số C180914402 và số C181217902, cụ thể:

+ Hợp đồng cho thuê tài chính số C180814202 ngày 10/12/2018 với các nội dung sau: Công ty C cho Công ty P thuê tài sản là: 02 (hai) Máy đóng gói bao bì dùng cho sản phẩm dao muỗng nĩa bằng nhựa; Model: HDX-2500; Tổng giá trị của Tài sản thuê: 794.700.500 đồng, trong đó, Công ty P trả trước 158.940.100 đồng, tiền Công ty C cho thuê là 635.760.400 đồng;

+ Hợp đồng cho thuê tài chính số C180914402 ngày 19/9/2018 với các nội dung sau: Công ty C cho Công ty P thuê tài sản là: 01 (một) Máy đóng gói dùng cho sản phẩm dao muỗng nĩa nhựa; Model: HDX-2500; Tổng giá trị của Tài sản thuê: 931.000.000 đồng, trong đó, Công ty P trả trước 186.200.000 đồng, tiền Công ty C cho thuê là 744.800.000 đồng;

+ Hợp đồng cho thuê tài chính số C181217902 ngày 20/12/2018 với các nội dung sau: Công ty C cho Công ty P thuê tài sản là: 02 (hai) Máy làm ống hút một màu, dùng cho sản phẩm bằng nhựa; Model: JH01-150 và 02 (hai) Máy đóng gói ống hút dùng cho sản phẩm bằng nhựa; Model: JH03-P; Tổng giá trị của Tài sản thuê: 1.108.826.400 đồng, trong đó, Công ty P trả trước 221.765.280 đồng, tiền Công ty C cho thuê là 887.061.120 đồng;

Tổng giá trị thuê của 03 hợp đồng trên là: 2.267.621.520 (Hai tỷ hai trăm sáu mươi bảy triệu sáu trăm hai mươi mốt nghìn, năm trăm hai mươi) đồng.

Ngoài ra, để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê của bên thuê trong các Hợp đồng thuê, Công ty C có chấp nhận Thư bảo lãnh cá nhân của ông Wong Michael C được lập vào ngày 10/12/2018, ngày 19/09/2018 và ngày 20/12/2018 về việc bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê đối với tất cả các Hợp đồng thuê.

Để thực hiện Hợp đồng thuê, Công ty C đã ký các Hợp đồng mua bán với chính Công ty P để mua các Tài sản thuê nêu trên. Công ty P đã xuất các Hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty C để chuyển giao quyền sở hữu các Tài sản thuê. Sau đó, Công ty P đã ký Giấy chứng nhận nghiệm thu Tài sản thuê để nhận bàn giao các Tài sản thuê nêu trên.

Theo thỏa thuận, mỗi tháng Công ty P phải thanh toán cho Công ty C tiền thuê bao gồm một phần Vốn gốc và khoản tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần cho đến

khi trả đủ số tiền Vốn gốc mà Công ty C đã tài trợ cùng các khoản lãi theo Hợp đồng thuê. Trước khi Công ty P trả hết toàn bộ Vốn gốc cùng các khoản lãi, Công ty C vẫn là chủ sở hữu của Tài sản thuê và là người đứng tên trên toàn bộ các hóa đơn, chứng từ, các giấy tờ pháp lý khác liên quan đến quyền sở hữu, v.v. đối với Tài sản thuê.

Lãi suất thuê được áp dụng cho các Hợp đồng thuê được quy định cụ thể tại các Thông báo bắt đầu thuê mà Công ty C đã phát hành và tuân thủ đúng quy định pháp luật về lãi suất áp dụng cho hoạt động thuê tài chính tại Việt Nam.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty P thường xuyên không thực hiện thanh toán tiền thuê đầy đủ.

Cụ thể:

Đối với Hợp đồng số C180814202 ngày 10/12/2018 thì tính đến ngày 25/02/2020 (kỳ thanh toán thứ 14) chỉ thanh toán được tổng số tiền gốc và lãi tổng cộng là 251.861.818 đồng. Từ ngày 25/3/2020 đến nay không thanh toán tiếp khoản tiền nào;

Đối với Hợp đồng số C180914402 ngày 19/9/2018 thì tính đến ngày 25/02/2020 (kỳ thanh toán thứ 16) chỉ thanh toán được tổng số tiền gốc và lãi tổng cộng là 333.343.574 đồng. Từ ngày 25/3/2020 đến nay không thanh toán tiếp khoản tiền nào;

Đối với Hợp đồng số C181217902 ngày 20/12/2018 thì tính đến ngày 25/02/2020 (kỳ thanh toán thứ 14) chỉ thanh toán được tổng số tiền gốc và lãi tổng cộng là 349.381.791 đồng. Từ ngày 25/3/2020 đến nay không thanh toán tiếp khoản tiền nào;

Tổng số tiền của 03 hợp đồng nêu trên Công ty P chỉ thanh toán được tổng số tiền là 934.347.183 đồng tiền nợ gốc và lãi phát sinh. Từ ngày 25/3/2020 đến nay Công ty P không thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền gốc và lãi nào. Căn cứ theo các quy định pháp luật hiện hành và Điều 26 của Hợp đồng thuê, nếu Công ty P vi phạm nghĩa vụ thanh toán Tiền thuê, hay vi phạm bất cứ một điều khoản hoặc điều kiện nào của Hợp đồng thuê, hay bị mất khả năng thanh toán, Công ty C đều có quyền chấm dứt Hợp đồng thuê trước thời hạn, thu hồi Tài sản thuê và yêu cầu Công ty P bồi thường thiệt hại (nếu có). Công ty P đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thanh toán tiền thuê quy định tại Điều 26 của Hợp đồng thuê nên vào ngày 27/04/2020, Công ty C đã phát hành Thông báo về việc chấm dứt Hợp đồng thuê và thu hồi Tài sản thuê, yêu cầu Công ty TNHH P thanh toán tổng số tiền còn thiếu của các Hợp đồng thuê tính đến ngày 28/04/2020 (ngày chính thức chấm dứt Hợp đồng thuê) là 1.827.475.221 đồng (một tỷ tám trăm hai mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn hai trăm hai mươi mốt đồng).

Sau đó, Công ty C đã nhiều lần liên hệ với Công ty P để yêu cầu thanh toán các khoản tiền thuê còn nợ. Tuy nhiên, phía Công ty P không còn hoạt động tại trụ sở tại địa chỉ đường số 10, Tổng kho S, Khu công nghiệp S1, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Công ty P đã tự ý di dời toàn bộ Tài sản thuê khỏi địa chỉ đường số 10, Tổng kho S, Khu công nghiệp S1, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương mà không thông báo cho Công ty C được biết. Công ty C không liên lạc được với Người đại diện theo pháp luật của Công ty P.

Ngày 03/06/2020, Công ty C phát hành Thư yêu cầu thanh toán về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán tiền thuê để yêu cầu ông Wong Michael C thanh toán theo nội dung các Thư bảo lãnh cá nhân đã ký nhưng đến nay ông Wong Michael C vẫn chưa thanh toán số tiền mà Công ty P còn nợ Công ty C.

Do Công ty P vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty C khởi kiện yêu cầu Công ty P phải thanh toán số tiền thuê còn nợ tạm tính đến ngày 24/7/2020 là 1.850.083.761 đồng (một tỷ tám trăm năm mươi triệu không trăm tám mươi ba nghìn bảy trăm sáu mươi mốt đồng), cụ thể như sau:

STT	Hợp đồng thuê	Tổng các khoản tiền thuê còn nợ (đơn vị: VND)						
		Nợ gốc	Nợ lãi trong hạn	Nợ lãi quá hạn tính đến ngày 28/04/2020	Nợ lãi chậm thanh toán tính đến ngày 28/04/2020	Giá trị còn lại	Nợ lãi chậm thanh toán tính đến 24/07/2020	Tổng cộng
1	C180814202	450.330.274	64.903.853	235.563	43.976	7.947.005	6.444.888	529.905.559
2	C180914402	496.533.328	67.474.739	275.964	48.494	9.310.000	7.171.252	580.813.777
3	C181217902	628.334.960	90.558.768	328.675	61.358	11.088.264	8.992.400	739.364.425
Tổng cộng		**1.575.198.562**	**222.937.360**	**840.202**	**153.828**	**28.345.269**	**22.608.540**	**1.850.083.761**

Buộc Công ty P thanh toán cho Công ty C tiền lãi phát sinh từ ngày 25/07/2020 tính trên nợ gốc với mức lãi suất chậm thanh toán theo quy định tại các Hợp đồng thuê cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Trường hợp Công ty P không thanh toán được số tiền còn nợ nêu trên, buộc ông Wong Michael C thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty C số tiền mà Công ty TNHH P còn nợ Công ty C theo nội dung các Thư bảo lãnh đã ký.

- Đối với bị đơn là Công ty TNHH P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Wong Michael C: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bằng hình thức niêm yết công khai đối với yêu cầu người đại diện theo pháp luật của bị đơn và bằng hình thức thông báo cho đương sự vắng mặt trên phương tiện thông tin đại chúng đối với ông Wong Michael C để yêu cầu người đại diện theo pháp luật của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Wong Michael C có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu của nguyên đơn cũng như cung cấp các chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng người đại diện theo pháp luật của bị đơn và ông Wong Michael C đều vắng mặt không có lý do, không cung cấp bất cứ chứng cứ gì khác. Ngày 01/02/2021, Tòa án triệu tập người đại diện theo pháp luật của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Wong Michael C tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng người đại diện theo pháp luật của bị đơn và ông Wong Michael C đều vắng mặt không có lý do. Đồng thời, Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng yêu cầu người đại diện theo pháp luật của bị đơn và ông Wong Michael C tham gia phiên tòa vào ngày 18/02/2021 và ngày 08/3/2021 nhưng người đại diện theo pháp luật của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Wong Michael C vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt các đương sự trên theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, người đại diện theo theo pháp luật của bị đơn và ông Wong Michael C đã được triệu tập hợp lệ nhưng

vẫn vắng mặt không có lý do. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự: Người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Wong Michael C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham dự phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung: Xét các hợp đồng cho thuê tài chính số C180814202 ngày 10/12/2018; số C180914402 ngày 19/9/2018 và số C181217902 ngày 20/12/2018 được giao kết giữa Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C và Công ty TNHH P đã thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu bị đơn có văn bản trả lời đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn vắng mặt và cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh đã thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán tiền thuê tài sản. Do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền nợ tạm tính đến ngày 24/7/2020 là 1.850.083.761 đồng (một tỷ tám trăm năm mươi triệu không trăm tám mươi ba nghìn bảy trăm sáu mươi mốt đồng) là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về nợ lãi: Xét thấy, tiền lãi cho thuê tài sản theo thỏa thuận của các đương sự theo các hợp đồng cho thuê tài chính là phù hợp với Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 02/5/2001 của Chính phủ, Quy chế cho vay và quyết định số 546/2002/QĐNHNN, ngày 30/5/2002, của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc thực hiện cơ chế lãi suất thỏa thuận trong hoạt động tín dụng thương mại nên lãi suất các bên thỏa thuận tại các hợp đồng cho thuê tài chính số C180814202 ngày 10/12/2018; số C180914402 ngày 19/9/2018 và số C181217902 ngày 20/12/2018 là hợp pháp. Theo đó bị đơn còn phải tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 25/7/2020 cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho thuê tài chính số mà các bên đã ký kết là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Căn cứ vào các thư bảo lãnh cá nhân ngày 10/12/2018, ngày 19/09/2018 và ngày 20/12/2018 thì ông Wong Michael C có trách nhiệm trả nợ thay cho Công ty TNHH P khi Công ty không trả được nợ. Việc ký các chứng thư bảo lãnh nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, phù với quy định của pháp luật. Do đó, căn cứ Điều 335, Điều 342 Bộ luật Dân sự 2015, trường hợp Công ty TNHH P không có khả năng thanh toán đầy đủ khoản nợ nêu trên Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C thì ông Wong Michael C có trách nhiệm trả nợ thay.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương về việc giải quyết vụ án.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH P phải chịu theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 112, Điều 113 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 13 Nghị định 09 ngày 22/02/2019 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam:

Căn cứ Điều 335, Điều 342 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C đối với bị đơn Công ty TNHH P về việc tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính.

Buộc Công ty TNHH P có trách nhiệm thanh toán cho Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C số tiền còn nợ phát sinh từ các Hợp đồng cho thuê tài chính số C180814202 ngày 10/12/2018; số C180914402 ngày 19/9/2018 và số C181217902 ngày 20/12/2018 tạm tính đến ngày 24/7/2020 là 1.850.083.761 đồng (một tỷ tám trăm năm mươi triệu không trăm tám mươi ba nghìn bảy trăm sáu mươi mốt đồng).

Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 25/7/2020 cho đến khi Công ty TNHH P trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong các Hợp đồng cho thuê tài chính số C180814202 ngày 10/12/2018; số C180914402 ngày 19/9/2018 và số C181217902 ngày 20/12/2018.

2. Trường hợp Công ty TNHH P không thanh toán khoản nợ nêu trên thì ông Wong Michael C có trách nhiệm trả nợ thay khoản nợ nêu trên của Công ty TNHH P cho Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C theo thỏa thuận tại các thư bảo lãnh cá nhân ngày 10/12/2018, ngày 19/09/2018 và ngày 20/12/2018.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH P phải chịu 67.502.513 đồng. Hoàn trả cho Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C 33.751.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0048910 ngày 05/11/2020 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố D.

4. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố D;
- Chi cục THADS thành phố D;
- Lưu: VT, HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thắm